

Số: /TB-UBND

Sơn Hà, ngày 02 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025

Kính gửi: Trưởng các thôn trên địa bàn xã.

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-NHCS ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025;

Căn cứ tổng hợp nhu cầu vốn tín dụng chính sách tại các thôn.

Ủy ban nhân dân xã thông báo điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2025 của các thôn cụ thể như sau:

(Có danh mục kèm theo).

Đề nghị Trưởng các thôn trên địa bàn xã căn cứ Thông báo này để chỉ đạo các Tổ TK&VV trong thôn tổ chức bình xét cho vay và lập hồ sơ vay vốn theo quy định của NHCSXH. Việc bình xét cho vay phải đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng và có sự tham gia giám sát của Trưởng thôn, đại diện lãnh đạo của tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

Trên đây là chỉ tiêu kế hoạch tín dụng năm 2025 được Ủy ban nhân dân xã Sơn Hà phê duyệt, Yêu cầu Trưởng các thôn nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- NHCSXH Sơn Hà;
- Lưu: VT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Ba

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÍN DỤNG NĂM 2025
(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 02/12/2025 của UBND xã Sơn Hà)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Tên thôn	ĐIỀU CHỈNH TĂNG(+)/GIẢM(-) NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG					TỔNG HỢP 5 CHƯƠNG TRÌNH
		CHO VAY HỘ NGHÈO	CHO VAY HỘ CẬN NGHÈO	CHO VAY MỚI THOÁT NGHÈO	CHO VAY HỘ SẢN XUẤT KINH DOANH VKK	CHO VAY NƯỚC SẠCH VỆ SINH MTNT	
01	Nước Bung	-13,0	0,0	-46,0	-8,0	45,5	-21,5
02	Hàng Gòn	-3,0	-2,0	-29,0	-8,0	34,0	-8,0
03	Gò Dếp	-13,0	-2,0	48,0	-10,0	47,0	70,0
04	Di Lang	-35,0	-3,0	0,0	0,0	-3,0	-41,0
05	Làng Bô	78,5	-3,3	-3,0	0,0	0,0	72,2
06	Cà Đáo	83,0	42,5	0,0	-42,5	150,0	233,0
07	Làng Dầu	-12,0	-27,5	-6,0	-10,5	-5,5	-61,5
08	Nước Nĩa	-54,5	0,0	-35,5	-59,0	0,0	-149,0
09	Nước Rạc	-23,0	0,0	-12,0	-5,0	0,0	-40,0
10	Làng Mùng	-65,0	-49,0	0,0	-91,0	43,5	-161,5
11	Tà Lương	-33,0	-8,5	0,0	5,5	75,0	39,0
12	Nước Rinh	-17,0	-8,7	0,0	-6,0	-24,0	-55,7
13	Nước Bao	10,5	-18,0	0,0	67,0	150,0	209,5
14	Nước Tang	-9,5	-15,5	-4,0	68,0	0,0	39,0
15	Mang Nà	-22,0	-31,0	0,0	50,0	-3,5	-6,5
16	Tà Pa	-46,0	-10,0	0,0	-32,0	-18,0	-106,0

17	Gò Răng	-150,0	-50,0	-0,5	68,2	129,0	-3,3
18	Nước Tăm	-7,0	-64,0	0,0	-60,9	0,0	-131,9
19	Làng Vồ	23,0	-15,0	-8,0	-35,9	30,0	-5,9
20	Bờ Reo	-37,0	-5,0	0,0	-9,9	-5,0	-56,9
	TỔNG CỘNG	-345,0	-270,0	-96,0	-120,0	645,0	-186,0